

Số: /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 02 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 01459/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

Xét Văn bản số 05/GĐN-CTĐB26 ngày 07/01/2026 của Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng đường bộ 26 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Trạm trộn bê tông nhựa nóng” tại thôn 7B, xã Ea Kly, tỉnh Đắk Lắk và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 78/TTr-SNNMT ngày 30/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng đường bộ 26, địa chỉ số 387 đường Phạm Văn Đồng, phường Tân Lập, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Trạm trộn bê tông nhựa nóng” tại thôn 7B, xã Ea Kly, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trạm trộn bê tông nhựa nóng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn 7B, xã Ea Kly, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số: 6000234922 do Phòng Quản lý doanh nghiệp - Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp, đăng ký lần đầu ngày 15/7/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 04/10/2025.

1.4. Mã số thuế: 6000234922.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bê tông nhựa nóng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích: 22.485 m²

- Nhóm dự án: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất: 104 tấn/giờ.

- Quy trình công nghệ sản xuất: Cát, đá → Xúc lật → Phễu nhập → Băng tải → Tang sấy → Băng gàu nóng → Sàng phân loại → Các ô chứa vật liệu nóng → Phễu cân cát, đá → Buồng trộn (thêm phụ gia, nhựa đường) → Sản phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần quản lý và xây dựng đường bộ 26

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần quản lý và xây dựng đường bộ 26 có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Ea Kly tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- UBND xã Ea Kly;
- Công ty CP Quản lý và Xây dựng đường bộ 26;
- (Đ/c: Số 387 Phạm Văn Đồng, P.Tân Lập)
- Lưu: VT, NNMT (Nhat-2b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Nước thải sinh hoạt: sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, nước thải được chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định, không xả trực tiếp ra môi trường.
- Nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải: sau khi xử lý được tái sử dụng vào quá trình xử lý khí thải, không xả thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt được thu gom về bể tự hoại để xử lý, sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.
- Nước thải phát sinh từ quá trình xử lý khí thải được thu gom bằng mương bê tông về hệ thống xử lý nước thải, nước sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn lắng 1 → Ngăn lắng 2 → Ngăn lắng 3 → Ngăn lắng 4 → Tái sử dụng.
- Công suất thiết kế: dung tích 20m³.
- Hóa chất sử dụng: không sử dụng hóa chất.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Khi hệ thống xử lý môi trường nước thải bị sự cố hư hỏng, trạm trộn sẽ ngừng hoạt động tạm thời để sửa chữa khắc phục hệ thống xử lý.
- Phân công nhân viên kỹ thuật vận hành, kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra;

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh và tái sử dụng theo quy định, không xả thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.4. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.5. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra nguồn tiếp nhận.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải**

01 nguồn khí thải: Khí thải phát sinh từ trạm trộn bê tông nhựa nóng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải.

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3°): $X=1413144$; $Y=489194$.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $40.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn (cơ sở hoạt động 05 giờ/ca; 01 ca/ngày; 120 ngày/năm).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B, $K_p = 0,9$, $K_v = 1,2$, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	216	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	SO_2	mg/Nm^3	540		
3	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	918		
4	CO	mg/Nm^3	1080		

Ghi chú:

- Khuyến khích Chủ cơ sở thực hiện quan trắc khí thải định kỳ đối với các chất ô nhiễm nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát hoạt động của thiết bị xử lý khí thải.

- Kể từ ngày 01/01/2032, Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng đường bộ 26 có trách nhiệm áp dụng QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (theo quy định tại Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải; công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Bụi, khí thải từ tang sấy sẽ được thu gom và đưa hệ thống xử lý khí thải.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Cyclon thu bụi thô → Quạt ly tâm → Tháp hấp thụ 1 → Tháp hấp thụ 2 → Ống khói cao 10m.

- Hóa chất sử dụng: Ca(OH)_2 .

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.

- Khi hệ thống xử lý khí thải bị sự cố hư hỏng, trạm trộn sẽ ngừng hoạt động tạm thời để sửa chữa khắc phục hệ thống xử lý.

- Phân công nhân viên kỹ thuật vận hành, kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý khí thải để kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra;

- Thường xuyên lấy mẫu khí thải kiểm tra định kỳ với một số chỉ tiêu cơ bản nhằm có những giải pháp điều khiển khâu vận hành thích hợp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi bởi khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ công trình thu gom, xử lý khí thải của cơ sở.

3.3. Vận hành hệ thống xử lý khí thải đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.4. Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng đường bộ 26 chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /02/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Từ hoạt động của các thiết bị, máy móc trong khuôn viên cơ sở.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	55	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2027, giới hạn tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh từ cơ sở phải đáp ứng quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

3.2. Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2027, giá trị tối đa cho phép đối với mức rung phát sinh từ cơ sở phải đáp ứng quy định tại QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thiết kế móng đảm bảo tiêu chuẩn, gia cố độ dày cho các đế thiết bị có khả năng gây tiếng ồn;

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị nhằm hạn chế tối đa việc phát sinh tiếng ồn;

- Kiểm tra độ mòn các bộ phận máy móc, định kỳ cho dầu bôi trơn và thay những chi tiết, bộ phận hư hỏng;
- Trang bị đầy đủ các trang phục cần thiết về an toàn lao động và hạn chế những tác hại cho công nhân. Các trang phục này bao gồm: quần áo bảo hộ lao động, mũ, bao tay, giày, khẩu trang, kính...
- Trồng bổ sung thêm cây xanh trong khu vực dự án để hạn chế tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị, bảo đảm các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /02/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải phát sinh	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	2
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	0,5
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện thải	16 01 13	1
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	25
5	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	15
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	5
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	15
8	Ắc quy chì thải	19 06 01	30
	Tổng		93,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:

STT	Danh mục chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Bao bì đựng bột khoáng, thùng phuy chứa nhựa đường	20
2	Bụi phát sinh từ hệ thống lọc bụi cyclon khô	100
Tổng cộng:		120

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn không có khả năng tái chế	02
2	Chất thải rắn có khả năng tái chế	01
Tổng cộng:		03

1.4. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Loại chất thải phát sinh	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	200
Tổng cộng:			200

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thiết bị chứa có nắp đậy, có dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo.

2.1.2. Kho lưu chứa: diện tích 12 m², tường gạch bao quanh, nền xi măng, mái lợp tôn.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bụi phát sinh từ hệ thống lọc bụi cyclon khô được thu gom, tái sử dụng vào sản xuất.

- Bao bì đựng bột khoáng, thùng phuy chứa nhựa đường được thu gom, bán lại cho nhà cung ứng.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Bố trí thùng chứa loại 60 lít, có nắp đậy đặt tại khu vực gần nhà bảo vệ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /02/2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG)

Không còn hạng mục phải tiếp tục đầu tư theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của cơ sở.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Trong quá trình thực hiện nếu cơ sở có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn;

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.